

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ X
TỈNH HÀ G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ
Ngày 20 -11- 2020
“V/v yêu cầu tuyên bố không
công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ X, TỈNH HÀ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Ngọc Tuấn

2. Bà Trần Thị Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Điền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện
Vị X, tỉnh Hà G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vị X, tỉnh Hà G tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị X, tỉnh Hà G xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm
2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thào Mìn Th, sinh năm: 1967; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Giàng Thị D, sinh năm: 1967; có mặt.

Các đương sự cùng có nơi cư trú tại: Thôn Khâu Tr, xã Thuận H, huyện Vị X,
tỉnh Hà G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2020 và bản tự khai cùng các tài liệu có trong
hồ sơ, tại phiên tòa Nguyên đơn anh Thào Mìn Th trình bày: Anh Th và chị D về
chung sống với nhau từ năm 1986 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình bố mẹ
tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết
hôn theo quy định của pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1996 phát sinh
mâu thuẫn, vì không còn tin tưởng nhau nữa, Anh Th cho là đã có lần sau khi cãi chửi
nhau xong chị D bỏ thuốc chuột vào nước nhằm mục đích để giết chết Anh Th nhưng
bị phát hiện, vì thế Anh Th đã chủ động sống ly thân với chị D từ năm 1996 đến nay,
vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Anh Th thấy tình cảm vợ chồng
không còn, mâu thuẫn ngày trầm trọng không thể khắc phục được, nên Anh Th có đơn
yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng của Anh Th và chị D.

Về con chung: Anh Th và chị D có 05 con chung, là: Thào A T, sinh ngày
05/9/1988; Thào Thị M, sinh ngày 02/02/1991; Thào A V, sinh ngày 18/10/1992; Thào

A Q, sinh ngày 18/10/1995; Thào Thị D, sinh năm 1990. Hiện nay các con đã đủ 18 tuổi nên Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án.

- *Bị đơn chị Giàng Thị D có đơn trình bày:* Chị D và Anh Th về chung sống với nhau từ năm 1986, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vì Anh Th thường xuyên đi vắng nhà và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, nhiều lần chị D và các con khuyên bảo nhưng không được, việc Anh Th trình bày là chị D bỏ thuốc chuột để giết Anh Th là không đúng với thực tế. Vì vậy, chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, Anh Th có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vị X giải quyết về quan hệ vợ chồng, chị D hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: chị D nhất trí để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án. Nếu việc thỏa thuận không thành, sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hoà giải:

- Anh Thào Mìn Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị Giàng Thị D; về con chung, tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị Giàng Thị D nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Th.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị X:*

Về Tố tụng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thào Mìn Th, như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Do anh Th, chị D về chung sống với nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử, không công nhận quan hệ của Anh Th và chị D là vợ chồng.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Thào Mìn Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử, nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Anh Thào Mìn Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vị X giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Giàng Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị X theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự đều khẳng định, năm 1986 anh Thào Mìn Th và chị Giàng Thị D tự nguyện về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có 5 con chung, đến năm 1996, giữa anh Th, chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể khắc phục được, nên phải sống ly thân kể từ đó đến nay, trong thời gian dài sống ly thân cả hai người không còn quan tâm đến nhau nữa. Nên Anh Th làm đơn xin chấm dứt quan hệ vợ chồng với chị D, có xác nhận của UBND xã Thuận H. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Anh Th là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Th, chị D có 05 con chung, tên là Thào A T, sinh ngày 05/9/1988; Thào Thị M, sinh ngày 02/02/1991; Thào A V, sinh ngày 18/10/1992; Thào A Q, sinh ngày 18/10/1995; Thào Thị D, sinh năm 1990. Hiện nay các con đã đủ 18 tuổi, Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Th, chị D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết trong cùng vụ án.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Thào Mìn Th là Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo anh Thào Mìn Th, chị Giàng Thị D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận anh Thào Mìn Th và chị Giàng Thị D là vợ chồng.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Thào Mìn Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Anh Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 02398 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị X, tỉnh Hà G.

- Về quyền kháng cáo: Anh Th, chị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà G;
- VKSND tỉnh Hà G;
- VKSND huyện Vị X;
- THADS huyện Vị X;
- UBNDTT xã Thuận H, huyện Vị X,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Hiền